

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT AN PHÚ QUỐC TẾ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT AN PHÚ QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN PHU GLOBAL MANUFACTURING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AN PHU GM CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703122198

**3. Ngày thành lập:** 18/04/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

547/12 Đường Mỹ Phước - Tân Vạn, Khu phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0909706131

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                               | 4620        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4632        |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4641        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự | 4649        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                              | 4663        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm từ plastic, bao bì, túi nylon; Bán buôn các sản phẩm khác từ plastic; Bán buôn các sản phẩm khác từ giấy; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                 | 4669        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                  | 8299(Chính) |
| 8.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1030        |
| 9.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                               | 1392        |
| 10. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1393        |
| 11. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                               | 1399        |
| 12. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                       | 1410        |
| 13. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1430        |
| 14. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                                                       | 1512        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                | 1629 |
| 16. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                                                        | 1709 |
| 17. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                            | 2220 |
| 18. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                             | 2599 |
| 19. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                         | 5510 |
| 20. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)                      | 5610 |
| 21. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 22. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

#### **7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên       | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                          | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CHÍ CỒNG MẮN         | Việt Nam  | Tổ 17, Khu 6, Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam                          | 1.000.000.000         | 50,000    | 075082019473                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN ĐOÀN MINH ANH | Việt Nam  | 36/24 Đường 5, Khu phố 5, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 1.000.000.000         | 50,000    | 079196026542                                                                                            |         |

#### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: CHÍ CỘNG MẦN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 16/08/1982

Dân tộc: Hoa

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075082019473

Ngày cấp: 12/09/2022

Nơi cấp: *Cục trưởng Cục Cảnh Sát Quản lý hành chính  
về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 17, Khu 6, Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai,  
Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *547/12 Đường Mỹ Phước - Tân Vạn, Khu phố Đông Thành, Phường  
Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương